TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2019/DS-ST
Ngày: 09/8/2019
Về tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tống Thị Kim Điền;
2. Ông Ngô Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 438/2018/DSST ngày 14/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019; Thông báo về việc tạm ngừng phiên tòa số 45/TB – TA ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Bao H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 67/1/2 đường A, Phường S, Quận N, Thành phố H (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1974; Hộ khẩu thường trú: Số 261B lầu 3, đường V, Phường M, Quận N, Thành phố H; nơi cư trú cuối cùng: 793/66/3A đường S, tổ 9, khu B, phường T, Quận B, Thành phố H (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Ái L, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 67/1/2 đường A, Phường S, Quận N, Thành phố H (có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/3/2018, các bản tự khai,biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Bao H trình bày:

Vì quen biết nên ông có cho ông Đặng Văn T vay số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Việc vay tiền này được hai bên lập Hợp đồng vay tiền số công chứng 16636 ngày 04/8/2016 tại Phòng công chứng S, Thành phố H. Thời gian vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: không.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, cùng ngày 04/8/2016 ông và ông T có ký kết với nhau 01 (một) hợp đồng cố nhà, theo đó ông T cố căn nhà số 791/96 đường S, phường T, Quận B cho ông.

Mặc dù trong Hợp đồng vay tiền có ghi "Khi giao nhận tiền hai bên có làm biên nhận riêng" nhưng thực tế khi giao nhận tiền hai bên không làm biên nhận và sau khi ký hợp đồng vay tiền, ông đã đưa cho ông T số tiền 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng. Sở dĩ ông chỉ đưa 270.000.000 đồng là bởi vì ông tính tiền lãi 03 (ba) tháng đầu tiên. Việc tính lãi mặc dù không ghi trong hợp đồng nhưng hai bên trao đổi với nhau việc tính lãi suất được tính như tiền thuê nhà hàng tháng.

Theo Hợp đồng cố nhà thì thời hạn cố nhà là 12 tháng, phù hợp với thời gian vay là 12 tháng như trong hợp đồng vay.

Tính đến ngày 06/10/2017 ông T đã chuyển cho ông 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng qua tài khoản của em gái ông là Dương Ái L.

Do ông đã nhận từ ông T số tiền 120.000.000 đồng nên ông xác định yêu cầu khởi kiện buộc ông T phải trả cho ông số tiền còn lại là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng. Ngoài khoản vay này, ông không cho ông T vay them khoản vay nào khác.

Yêu cầu trả làm một lần ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngay sau khi bản án hoặc quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông T không trả hết tiền cho ông, ông yêu cầu tính lãi suất chậm trả cho đến khi ông T trả nợ dứt điểm cho ông.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập tham gia tố tụng, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Ái L trình bày:

Bà là em ruột của ông Dương Bao H. Ngày 04/8/2016 ông H có trình bày với bà là ông H có cho ông Đặng Văn T mượn số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, ông T có cố căn nhà số 791/96 đường S, phường T, Quận B cho ông H và căn nhà hiện đang cho thuê. Ông H có trình bày là căn nhà hiện đang cho thuê, ông H không có tài khoản ngân hàng nên có nhờ bà cho ông T chuyển tiền trả tiền thuê nhà vào tài khoản ngân hàng của bà tại Ngân hàng C theo số tài khoản 101010008057047 (sau đó ngân hàng đã đổi số tài khoản của bà thành

107000639333). Sau khi ông T chuyển tiền bà có rút tiền và đưa lại toàn bộ cho ông H tổng số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng. Cụ thể như sau:

Ngày 05/12/2016 chuyển 10.000.000 đồng

Ngày 29/12/2016 chuyển 10.000.000 đồng

Ngày 07/3/2017 chuyển 20.000.000 đồng

Ngày 26/6/2017 chuyển 20.000.000 đồng

Ngày 25/8/2017 chuyển 15.000.000 đồng

Ngày 06/10/2017 chuyển 15.000.000 đồng

Việc giao dịch mượn tiền và cố nhà giữa ông H và ông T bà không chứng kiến.

Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến*:

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự: bị đơn phải chịu tòa bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào địa chỉ của ông Đặng Văn T trong Hợp đồng vay tiền thì ông T có ghi địa chỉ liên hệ là 261B L3 đường A, Phường M, Quận N, Thành phố H do đó ngày 26/3/2018 ông Dương Bao H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố H và được Tòa án nhân dân Quận N thụ lý số 98/2018/DSST ngày 05/4/2018. Kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận N theo Công văn xác minh số 206/TAQ5 ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân Quận N thì ông Đặng Văn T hiện không có mặt tại địa chỉ 261B L3 đường A, Phường M, Quận N, Thành phố H và tạm trú tại địa chỉ 793/66/3A đường S, tổ 9, khu B, phường T, Quận B, Thành phố H.

Ngày 23/7/2018 Tòa án nhân dân Quận N chuyển toàn bộ hồ sơ đến Tòa án nhân dân Quận 7 để giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền mà ông T đã vay thì đây là tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản". Căn cứ vào kết quả xác minh tại Công an phường T, Quận B, Thành phố H thì ông Đặng Văn T có nơi cư trú cuối cùng: Số 793/66/3A đường S, tổ 9, khu B, phường T, Quận B, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Dương Bao H có mặt trong quá trình giải quyết vụ án, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Đặng Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục đăng báo 03 kỳ liên tiếp Báo pháp luật Việt Nam, tống đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Thông

báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Đặng Văn T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng trong quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Ái L có mặt trong quá trình giải quyết vụ án, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Dương Bao H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Ái L theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; xét xử vắng mặt bị đơn ông Đặng Văn T theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 04/8/2016 tại Phòng công chứng S, Thành phố H ông Dương Bao H có cho ông Đặng Văn T vay số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Việc vay tiền này được hai bên lập Hợp đồng vay tiền số công chứng 16636. Thời gian vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: không.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, cùng ngày 04/8/2016 ông và ông T có ký kết với nhau 01 (một) hợp đồng cố nhà, theo đó ông T cố căn nhà số 791/96 S, phường T, Quận B cho ông H.

Mặc dù Hợp đồng có ghi "khi giao nhận tiền hai bên có làm biên nhận riêng" nhưng thực tế khi giao nhận tiền hai bên không làm biên nhận và sau khi ký hợp đồng vay tiền, ông H đã đưa cho ông T số tiền 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng. Sở dĩ ông H chỉ đưa 270.000.000 đồng là bởi vì ông H đã tính tiền lãi 03 (ba) tháng đầu tiên số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Việc tính lãi mặc dù không ghi trong hợp đồng nhưng hai bên trao đổi với nhau việc tính lãi suất được tính như tiền thuê nhà hàng tháng. Theo Hợp đồng cố nhà thì thời hạn cố nhà là 12 tháng, phù hợp với thời gian vay là 12 tháng như trong hợp đồng vay.

Tính đến ngày 06/10/2017 ông T đã chuyển cho ông H số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng qua tài khoản của em gái ông là Dương Ái L.

Ông H xác định yêu cầu khởi kiện buộc ông T phải trả cho ông số tiền còn lại là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng do ông H đã nhận từ ông T số tiền 120.000.000 đồng. Ngoài khoản vay này, ông H không cho ông T vay thêm khoản nào khác.

Lời khai này của ông H phù hợp với chứng cứ mà Tòa án nhân dân Quận 7 thu thập được tại Ngân hàng C ông T có chuyển các lần tiền qua tài khoản của bà Dương Ái L.

Do đó, Hợp đồng được hai bên ký kết mặc dù không có biên nhận nhận tiền riêng nhưng qua lời trình bày và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để kết luận ông Dương Bao H có cho ông Đặng Văn T vay số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Ông T đã trả cho ông H số tiền 120.000.000 (một trăm hai

mươi triệu) đồng. Ông H yêu cầu ông T trả cho ông số tiền còn lại là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng là có cơ sở.

[3.2] Về thời hạn trả nợ: Ông H yêu cầu ông T trả số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng làm một lần ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu này của ông H được chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất: Hợp đồng không quy định về lãi suất tuy nhiên ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông T không trả hết tiền cho ông H, ông H được quyền yêu cầu tính lãi suất chậm trả cho đến khi ông T trả nợ dứt điểm cho ông H.

[3.4] Do các bên có ký kết với nhau về việc cố căn nhà số 791/96 đường S, phường T, Quận B, bị đơn vắng mặt suốt quá trình tố tụng của tòa án vì vậy trường hợp có tranh chấp xảy ra, các bên được quyền khởi kiện đối với Hợp đồng cầm cố này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền nên bị đơn phải có nghĩa vụ nộp án phí dân dự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất.

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Dương Bao H, bị đơn ông Đặng Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Ái L.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Bao H buộc bị đơn là ông Đặng Văn T phải trả số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp ông Đặng Văn T chậm thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành cho theo mức lãi suất

chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.000.000 (chín triệu) đồng.

Hoàn trả cho ông Dương Bao H số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0006070 ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK Thơm).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Phương